

QUY ĐỊNH

Quản lý theo đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Lộc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021
của Ủy ban nhân dân huyện Triệu Sơn)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

1. Quy định này quản lý theo đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Lộc, huyện Triệu Sơn đến năm 2030.

2. Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia vào hoạt động quản lý xây dựng, đầu tư xây dựng trong ranh giới đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Lộc, huyện Triệu Sơn đến năm 2030.

3. Quy định này là cơ sở pháp lý để các cơ quan quản lý kiến trúc, quy hoạch của tỉnh, huyện quản lý đầu tư xây dựng và làm căn cứ để xác lập nhiệm vụ và nội dung các đồ án quy hoạch trên địa bàn.

Điều 2. Phân vùng quản lý quy hoạch

1. Ranh giới quy hoạch:

Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch trên là toàn bộ địa giới hành chính xã Xuân Lộc, bao gồm 10 thôn. Ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp xã Thọ Lộc, huyện Thọ Xuân;
- Phía Nam giáp xã Xuân Thịnh;
- Phía Tây giáp xã Thọ Ngọc;
- Phía Đông giáp xã Thọ Vực và xã Xuân Phong, huyện Thọ Xuân.

2. Quy mô:

- Quy mô dân số: Dân số hiện trạng là 3.345 người; dự báo đến năm 2025 là 3.955 người, đến năm 2030 là 4.565 người.

- Quy mô đất đai: 327,73ha.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Khu vực nhà ở dân cư: Các chỉ tiêu kỹ thuật yêu cầu:

1. Khu vực cải tạo:

- Về sử dụng đất:

- + Đất xây dựng công trình nhà ở: $\geq 25m^2/người$;
- + Đất xây dựng công trình, dịch vụ: $\geq 5m^2/người$;
- + Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật: $\geq 5m^2/người$;
- + Cây xanh công cộng: $\geq 2m^2/người$.

- Về kiến trúc công trình:

- + Chiều cao tối đa: 1 – 3 tầng.
- + Mật độ xây dựng: 60%

2. Khu vực xây mới:

- Về sử dụng đất:

- + Đất xây dựng công trình nhà ở: $\geq 25m^2/người$;
- + Đất xây dựng công trình, dịch vụ: $\geq 5m^2/người$;
- + Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật: $\geq 5m^2/người$;
- + Cây xanh công cộng: $\geq 2m^2/người$.

- Về kiến trúc công trình:

- + Chiều cao tối đa: 1 – 3 tầng.
- + Mật độ xây dựng: 80%.

Điều 4: Khu vực xây dựng công trình công cộng

1. Trụ sở UBND xã

Giữ nguyên vị trí tại thôn Yên Trinh, diện tích là 3.700m², mật độ xây dựng < 40%, tầng cao 1-3 tầng (Ô đất ký hiệu TSC01).

2. Khu trung tâm văn hóa- thể thao xã

a) Trung tâm văn hóa xã: Giữ nguyên vị trí hiện tại nằm tại thôn Yên Trinh thuộc khu vực UBND xã với diện tích khuôn viên là 1.700m², mật độ xây dựng $\leq 45\%$.

b) Sân thể thao xã: Giữ nguyên vị trí hiện tại nằm ở thôn Yên Trinh, mở rộng sân thể thao với diện tích 0,4ha, diện tích sau khi mở rộng là 1,33ha (Ô đất ký hiệu DTT01).

3. Nhà văn hóa – sân thể thao thôn

a) Nhà văn hóa thôn

- Giữ nguyên nhà văn hóa thôn Cốc Thuận với diện tích 0,07 ha.

- Quy hoạch mới nhà văn hóa thôn Thủy Tú với diện tích 0,25ha, mật độ xây dựng 45%, tầng cao 1 – 3 tầng (Ô đất ký hiệu NVH01).

- Quy hoạch mới nhà văn hóa thôn Yên Trinh tại trụ sở UBND xã cũ với diện tích 0,08ha, mật độ xây dựng 45%, tầng cao 1 – 3 tầng (Ô đất ký hiệu NVH02).

- Quy hoạch nhà văn hóa thôn Thành Tín với diện tích 0,25ha, mật độ xây dựng 45%, tầng cao 1 - 3 tầng (Ô đất ký hiệu NVH03).

b) Sân thể thao thôn

- Đối với các khu thể thao sử dụng chung trong khuôn viên của nhà văn

hóa thôn, cần đầu tư các trang thiết bị thể thao chuyên dụng để đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt của nhân dân trong thôn.

- Quy hoạch sân thể thao thôn Thủy Tú với diện tích 0,19 ha (Ô đất ký hiệu DTT02).

- Quy hoạch sân thể thao thôn Cốc Thuận với diện tích 0,20ha (Ô đất ký hiệu DTT03).

4. Công trình y tế

Giữ nguyên tại vị trí hiện trạng tại thôn Yên Trinh với diện tích 2.603m², mật độ xây dựng 40%, tầng cao 1 – 3 tầng (Ô đất ký hiệu DYT01).

5. Công trình giáo dục

a) Trường Mầm non: Giữ nguyên vị trí tại thôn Yên Trinh, diện tích khu đất quy hoạch là 0,51ha, trong đó: diện tích hiện trạng là 0,33ha, diện tích mở rộng là 0,18 ha, mật độ xây dựng 40%, tầng cao 1 – 3 tầng (Ô đất ký hiệu DGD01).

b) Trường Tiểu học và trung học cơ sở: Giữ nguyên vị trí hiện tại ở thôn Yên Trinh, diện tích 0,91ha, mật độ xây dựng 40%, tầng cao 1 - 3 tầng (Ô đất ký hiệu DGD02 và DGD03).

6. Điểm bưu điện văn hóa xã

Giữ nguyên vị trí tại thôn Yên Trinh với diện tích 354,4m², mật độ xây dựng 80%, tầng cao 1 – 3 tầng (Ô đất ký hiệu DBV01).

7. Chợ

Giữ nguyên vị trí cũ tại thôn Yên Trinh, mở rộng chợ Cốc với diện tích 0,20ha, diện tích sau khi mở rộng là 0,45ha, mật độ xây dựng 80%, Tầng cao 1 – 3 tầng (Ô đất ký hiệu DCH01).

8. Công trình an ninh

Quy hoạch mới trụ sở làm việc công an xã với diện tích là 0,14ha, mật độ xây dựng 40%, tầng cao 1-3 tầng (Ô đất ký hiệu CAN01).

9. Nhà trực trung đội dân quân cơ động xã

Quy hoạch mới nhà trực trung đội dân quân cơ động xã với diện tích là 0,05ha, mật độ xây dựng 40%, tầng cao 1-3 tầng (Ô đất ký hiệu CQP01).

10. Quy hoạch khu vui chơi giải trí công cộng

Quy hoạch mới khu vui chơi giải trí công cộng cho người già và trẻ nhỏ (lấy từ đất UBND cũ) với diện tích 0,09ha, mật độ xây dựng 80%, tầng cao 1 – 3 tầng (Ô đất ký hiệu DKV01).

Điều 5. Đất sản xuất

1. Khu sản xuất nông nghiệp

a) Ngành trồng trọt: Khu vực trồng lúa tập trung trên các ruộng thường xuyên có đủ nước tưới, giống lúa trồng là các giống lúa mới có năng suất cao, chống chịu sâu bệnh, chất lượng tốt, mang lại giá trị kinh tế cao; Tiến hành chuyển đổi hình thức sản xuất tập trung (cánh đồng mẫu lớn).

b) Ngành chăn nuôi:

Để phát huy thế mạnh của xã và tăng thu nhập cho người dân, trong thời gian tới xã cần đầu tư khuyến khích các hộ gia đình hình thành và phát triển các mô hình trang trại. Quy hoạch xây dựng trang trại tại các khu vực sau:

- Trang trại khu vực Đồng Bờ Đa thôn Yên Trinh với diện tích 2,04 ha (Ô đất ký hiệu NKH01).
- Trang trại khu vực Đồng Khuá thôn Cốc Thuận với diện tích 7,0 ha (Ô đất ký hiệu NKH02).
- Trang trại khu vực Đồng Mưỡn thôn Thủy tú với diện tích 1,34 ha (Ô đất ký hiệu NKH03).
- Trang trại khu vực Đồng Động thôn Thủy Tú với diện tích 1,20 ha (Ô đất ký hiệu NKH04).
- Trang trại khu vực Đồng Thung thôn Thủy Tú với diện tích 2,40 ha (Ô đất ký hiệu NKH05).

c) Ngành thủy sản: Quy hoạch diện tích đất nuôi trồng thủy sản của xã đến năm 2030 là 11,59ha. Tận dụng các hồ đập, thiết kế, phân chia xây dựng ao, hồ, đầm nuôi thả theo tiêu chuẩn kỹ thuật với diện tích phù hợp trên cơ sở hoàn thiện hệ thống kênh mương sẵn có, dần hình thành trang trại chuyên nuôi trồng thủy sản, khuyến khích phát triển nuôi trồng những loại thủy sản đặc sản, có năng suất và giá trị kinh tế cao.

2. Khu sản xuất kinh doanh – Tiểu thủ công nghiệp và làng nghề

- Quy hoạch xây dựng khu tiểu thủ công nghiệp làng nghề với tổng diện tích 2,5ha (Ô đất ký hiệu SKC01), mật độ xây dựng 40%, tầng cao từ 1 -3 tầng.
- Quy hoạch xây dựng khu sản xuất kinh doanh 12,5ha (Ô đất ký hiệu SKC02, SKC03), mật độ xây dựng 40%, tầng cao từ 1 -3 tầng.

3. Khu vực dịch vụ - thương mại

- Khu thương mại dịch vụ hỗn hợp hồ Thủy Tú, thôn Thủy Tú với diện tích 0,87ha (Ô đất ký hiệu TMD01), mật độ xây dựng 40%, tầng cao 1 -3 tầng.
- Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp tại thôn Yên Trinh với diện tích là 0,11ha (Ô đất ký hiệu TMD02), mật độ xây dựng 40%, tầng cao 1 -3 tầng.
- Khu thương mại dịch vụ hỗn hợp phía Bắc đường QL47C thôn Thành Tín với diện tích: 3,5ha (Ô đất ký hiệu TMD03), mật độ xây dựng 40%, tầng cao 1 -3 tầng.

4. Khu vực có khả năng phát triển

- Khu vực ven đường QL.47C, TL.515C được định hướng bao gồm: Tiểu thủ công nghiệp, sản xuất kinh doanh, đất dân cư mới phát triển....;
- Khu vực tại thôn Yên Trinh, thôn Thành Tín: tổ chức các khu dân cư mới tập trung phục vụ nhu cầu về nhà ở đến năm 2030 cho nhân dân trên địa bàn xã.

Điều 6. Đất cây xanh

Mật độ cây xanh phân bố ở các khu vực dân cư nông thôn xóm, làng và tương đối đồng đều. Trong những năm tới xã bố trí quy hoạch công viên cây

xanh công cộng nhỏ, lẻ và Diện tích cây xanh được phát triển chủ yếu đi kèm với các khuôn viên trong các công trình công cộng, hai bên đường giao thông các tuyến, trục chính, trong xóm, làng, vườn hộ gia đình.

Điều 7. Khu vực cấm xây dựng

1. Vùng hạn chế xây dựng: Các khu vực sản xuất nông nghiệp, khu vực này chủ yếu giữ theo hiện trạng, để đảm bảo ổn định diện tích sản xuất nông nghiệp.

2. Vùng cấm xây dựng bao gồm: bao gồm các vùng xung quanh các Hồ - Đập, sườn đồi. Đây là khu vực dễ gặp nạn khi có biến cố thiên tai về khí hậu như mưa bão lớn.

Điều 8. Các khu vực dự trữ, an ninh quốc phòng.

1. Tuân thủ theo quy hoạch được phê duyệt (không xây dựng công trình trái với chức năng sử dụng đất trong khu dự trữ phát triển – an ninh, quốc phòng).

2. Có kế hoạch và phương án sử dụng đất hiệu quả trong thời gian chưa triển khai xây dựng.

Điều 9. Các công trình hạ tầng kỹ thuật.

1. Quản lý đường giao thông nông thôn

a) Hệ thống giao thông

** Hệ thống giao thông đối ngoại:*

- Đường QL.47C chạy qua xã với chiều dài 0,6km; Lộ giới 60m, trong đó nền đường là 15m, hành lang giao thông (22,5 x 2).

- Đường TL.515C qua xã với chiều dài 2,5km; Lộ giới 42,0m, trong đó: Nền đường 12,0m, hành lang giao thông (15,0m x 2).

- Đường trục xã: gồm có 04 tuyến, với tổng chiều dài là 2,37km, ký hiệu từ ĐTX-XL.01 đến ĐTX-XL.04. Lộ giới 15,5m – 20,5m, trong đó: mặt đường là 10,5m – 14,0m.

** Hệ thống giao thông đối nội:*

Nâng cấp, mở rộng các tuyến giao thông trục thôn, liên thôn, trục xóm, nội đồng trên cơ sở mạng lưới cũ đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật theo tiêu chí chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao:

- Tuyến đường trục thôn: Gồm 17 tuyến, với tổng chiều dài 7,43km, ký hiệu từ ĐTT-XL.01 đến ĐTT-XL.17. Lộ giới từ 5,0m – 15,5m, trong đó mặt đường từ 3,5m – 10,5m.

- Tuyến đường ngõ xóm: gồm 30 tuyến với tổng chiều dài 12,1km, ký hiệu từ ĐNX-XL.01 đến ĐNX-XL.30. Lộ giới là 5,0m, trong đó: Mặt đường là 3,5m, lề đường là 0,75m x 2.

- Tuyến đường nội đồng: Gồm 06 tuyến, với tổng chiều dài 5,6km, ký hiệu từ ĐND-XL.01 đến ĐND-XL.06. Lộ giới là 5,0m – 20,6m, trong đó: Mặt đường từ 3,5m – 10,5m.

b) Quy định quản lý

- Ủy ban nhân dân xã chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng đường giao thông trên địa bàn xã.

- Tổ chức kiểm tra, xử lý các vi phạm về quản lý đường giao thông trên địa bàn xã mình quản lý theo phân cấp và theo quy định của pháp luật.

- Đối với các cơ quan, tổ chức và cá nhân, hộ gia đình khi sử dụng hè đường vào mục đích riêng, phải được đồng ý của UBND xã và phải đảm bảo các điều kiện:

- + Không gây ảnh hưởng tới người đi bộ, tầm nhìn giao thông.
- + Không làm hư hại đến các công trình hạ tầng kỹ thuật khác.
- + Vệ sinh môi trường rác thải thường xuyên, không để đất, đá, rác thải xây dựng rơi vãi trên đường.

+ Các trường hợp phải mở lối để chở vật liệu xây dựng công trình, san tạo đào, đắp mặt bằng và chở đất đá đổ đi phải đảm bảo VSMT thường xuyên.

2. Quản lý cao độ nền và thoát nước mặt

a) Cao độ nền và hệ thống thoát nước mặt

- Công tác thủy lợi: Với việc thoát nước mặt cho các khu dân cư. Đối với những khu vực là đất sản xuất nông nghiệp thì thoát nước mặt là công tác nạo vét các bờ kênh, mương để tạo điều kiện cho thủy triều lên xuống đều đặn, nước không bị tù, ứ đọng hoặc không bị ngập lụt gây thất thoát và phá hoại mùa màng. Các bờ kênh, mương tự nhiên sẽ giữ lại làm công tác thủy lợi, thoát nước và cấp nước cho đồng ruộng hay ao hồ nuôi trồng thủy sản. Lượng nước được lưu chuyển sẽ là điều kiện tốt để phát triển nông nghiệp của địa phương.

- Để đảm bảo an toàn cho việc đi lại trong đường giao thông nông thôn, cần nâng cấp tu bổ 02 cầu đã xuống cấp, làm mới 5 cái cống qua đường trong hệ thống đường giao thông nông thôn.

- Nhằm khắc phục tình trạng ngập lụt, khơi thông dòng chảy tại các tuyến kênh mương nội đồng. Đảm bảo được an toàn trên các tuyến đường giao thông nội đồng, cần nâng cấp lại 3 cái cống hiện nay đã xuống cấp.

- Khu trung tâm nằm kề đường liên xã, độ cao san nền sẽ gắn với đường liên xã và theo địa hình tự nhiên, thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam. Nhìn chung với định hướng như vậy khu trung tâm không phải san lấp thêm. Các công trình khi thiết kế sẽ xác định độ cao nền nhà phù hợp. Đối với các khu sản xuất nông nghiệp giữ nguyên độ cao nền để đảm bảo nhu cầu sản xuất.

- Các tuyến kênh mương khi cải tạo, cứng hóa cần xác định cao độ đáy kênh phù hợp. Với các tuyến kênh tưới cốt đáy kênh thiết kế cần căn cứ vào cốt mặt ruộng trong khu vực, hướng tuyến kênh để thiết kế cho phù hợp.

b) Quy định quản lý

- Với mạng lưới thoát nước chung cho thoát nước mưa và thoát nước thải, nước thải trước khi thoát ra mạng lưới thoát nước chung phải được xử lý bằng hầm tự hoại 3 ngăn, đạt tiêu chuẩn cho phép thoát ra môi trường.

- Đối với khu vực là vùng nông thôn, việc san nền và thoát nước chủ yếu dựa vào các hướng thoát tự nhiên, là sông ngòi, kênh rạch hoặc tự thoát ra ao hồ, ruộng...

- Các tuyến thoát nước mưa được xây bằng mương xây đập nắp đập, chạy dọc theo các khu vực dân cư, trục đường chính thoát theo hướng dốc tự nhiên cho các vùng có khu dân cư hoặc trung tâm xã. Các đường nhỏ nằm ngoài khu dân cư dẫn nước tới những vị trí thoát nước tự nhiên được làm là dạng mương hở thoát nước mặt, phù hợp với điều kiện của khu vực nông thôn. Còn lại các khu dân cư sẽ sử dụng cống BTCT thu gom nước trước khi đổ ra kênh rạch.

3. Quản lý cấp nước

a) Hệ thống cấp nước

- Nguồn nước và hệ thống cấp nước: Bố trí mạng lưới đường ống cấp nước sạch từ xã Xuân Thịnh. Mạng lưới đường ống cấp nước được thiết kế mạng vòng kết hợp nhánh cụt, các đường ống đi ngầm dưới vỉa hè hoặc lòng đường, với tiết diện đường ống chính D110- D200; Giai đoạn trước mắt, nguồn nước sinh hoạt được lấy từ nguồn nước giếng khoan từ các mạch nước ngầm.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy: Được thiết kế sử dụng chung với đường ống cấp nước sinh hoạt, các họng cứu hỏa đầu nối với đường ống cấp nước có đường kính \geq D100 mm và khoảng cách giữa các họng cứu hỏa khoảng 150m.

b) Quy định quản lý

Cấp nước: Đảm bảo cung cấp nước đầy đủ và đúng tiêu chuẩn quy định. Khoảng cách ly bảo vệ các công trình trong hệ thống cấp nước, quy định khoảng cách an toàn theo chiều ngang đến các công trình xây dựng khác là 2m, khoảng cách an toàn theo chiều đứng và chiều ngang đến công thoát nước thải sinh hoạt và đường dây điện hay thông tin liên lạc đặt ngầm là 1m.

4. Quản lý cấp điện

a) Hệ thống cấp điện

Trên địa bàn xã có 2,4 km đường dây trung thế 10KV; 20km đường dây hạ thế 0,4KV, phần lớn là dây bọc mới thay mới đảm bảo an toàn về kỹ thuật, đảm bảo chất lượng theo quy định; Quy hoạch trạm biến áp thôn Thành Tín với diện tích 0,05 ha (Ô đất ký hiệu DNL01), công suất 500KVA và nâng cấp trạm biến áp số 3 từ 100KVA lên 250KVA, nâng cấp trạm biến áp số 4 từ 160KVA lên 250KVA, tổng công suất của các trạm biến áp sau nâng cấp là 1.430KVA, đáp nhu cầu sử dụng điện trong giai đoạn đến năm 2030.

b) Quy định quản lý

- Hành lang an toàn lưới điện 10KV: hành lang được giới hạn bởi hai mặt thẳng đứng về hai phía của đường dây ở trạng thái tĩnh là 1,5m đối với dây bọc và 3m đối với dây trần.

- Trạm biến áp:

+ Đối với các trạm điện không có tường, rào bao quanh, hành lang bảo vệ trạm điện 2m.

+ Đối với trạm điện có tường hoặc hàng rào cố định bao quanh, chiều rộng hành lang bảo vệ được giới hạn đến mặt ngoài tường hoặc hàng rào; khoảng cách an toàn theo chiều thẳng đứng là 2m.

- Đường dây hạ thế, đường dây chiếu sáng, đường dây thông tin liên lạc: khoảng cách giữa các cột điện trung bình từ 40-50m, khoảng cách từ chân cột

đến công trình xây dựng khác là 1,5m, khoảng cách từ đường dây đến tường nhà của hộ dân là 1,5m.

5. Công trình hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường

a) Hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường

- Hệ thống xử lý nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt ở các khu dân cư của xã Xuân Lộc sau khi xử lý sẽ được theo các mương dẫn nước thải đổ ra hệ thống tiêu thoát nước chung.

+ Mương rãnh dẫn nước thải thường được thiết kế chạy dọc theo đường giao thông, kết hợp cả tiêu thoát nước thải và tiêu thoát nước mưa.

+ Phương án thoát nước: với các điểm dân cư tập trung cần xây hệ thống mương nắp đan thu nước sau đó dẫn ra các kênh tiêu và đổ ra kênh thoát, còn các điểm dân cư thưa thớt thiếu tập trung trước mắt vẫn sử dụng phương pháp thăm thấu có biện pháp xử lý triệt để đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường.

- Hệ thống rác thải:

+ Khu trung chuyển rác thải được bố trí tại khu vực Bản Động thôn Thủy Tú với diện tích 0,35ha (Ô đất ký hiệu DRA01); Khu vực Đồng Giếng thôn Thủy Tú, với diện tích 0,35ha (Ô đất ký hiệu DRA02).

+ Khuyến khích và hướng dẫn nhân dân phân loại chất thải rắn (CTR) ngay tại nguồn thành 2 loại vô cơ và hữu cơ. Đối với CTR hữu cơ, các hộ gia đình tận dụng một phần cho chăn nuôi gia súc, phần còn lại sẽ ủ, tạo thành phân vi sinh phục vụ nông nghiệp. CTR vô cơ không còn được tái chế, sẽ chuyển về bãi trung chuyển để vận chuyển đi xử lý.

- Quy hoạch nghĩa trang:

Trong giai đoạn đầu vẫn tiếp tục sử dụng các nghĩa trang hiện có, toàn xã có 03 nghĩa trang chính.- Giai đoạn dài hạn quy hoạch mở rộng 3 nghĩa trang tập trung:

+ Mở rộng nghĩa trang thôn Thành Tín với diện tích 0,6 ha (Ô đất ký hiệu NTD01).

+ Mở rộng nghĩa trang thôn Cốc Thuận với diện tích 0,4 ha (Ô đất ký hiệu NTD02).

+ Mở rộng nghĩa trang thôn Thủy Tú với diện tích 0,7 ha (Ô đất ký hiệu NTD03).

b) Quy định quản lý môi trường

- Quản lý thoát nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt: Quy hoạch hệ thống thoát nước chung cho trung tâm xã. Sử dụng hệ thống thoát nước chung, bố trí hệ thống cống BTCT hoạt động theo chế độ tự chảy, nước thải từ các hộ gia đình được xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn trước khi thoát vào hệ thống nước chung, xả ra kênh mương gần nhất.

+ Nước thải và phân gia súc từ các khu chuồng trại chăn nuôi lớn được xử lý bằng bể Bioga, hồ sinh học. Chất lượng nước sau khi xử lý phải đạt tiêu chuẩn QCVN mới được xả vào hệ thống thoát nước chung.

+ Hệ thống thoát nước thải của cụm tiểu thủ công nghiệp có hệ thống thoát nước riêng và xử lý đạt tiêu chuẩn QCVN.

- Công trình vệ sinh:

Vận động nhân dân 100% số hộ xây dựng nhà vệ sinh có bể tự hoại 3 ngăn và có đường ống dẫn nước bẩn riêng. Tăng cường công tác tuyên truyền vận động nhằm tạo cho người dân có ý thức cao về bảo vệ môi trường.

- Chất thải rắn:

Bố trí điểm tập trung CTR và trung chuyển tại bản Giếng - thôn Thủy Tú với diện tích 0,35 ha; Bãi xử lý chất thải rắn tại bản Động - thôn Thủy Tú với diện tích 0,35 ha:

+ Đến năm 2025: 0,8kg/người/ngày; chỉ tiêu thu gom 70%.

+ Đến năm 2030: 1,0kg/người/ngày; chỉ tiêu thu gom 80%.

- Nghĩa trang:

Trong giai đoạn đầu vẫn tiếp tục sử dụng các nghĩa trang hiện có nhưng vẫn đảm bảo quy mô phục vụ. Toàn xã có 03 nghĩa trang chính: Nghĩa địa thôn Thủy Tú (Đông Mạ); Nghĩa địa thôn Thành Tín (Đông Nghen); Nghĩa địa thôn Cốc Thuận (Đông Bở Khu). Giai đoạn dài hạn, nghĩa trang phải phù hợp với khả năng khai thác quỹ đất, phân bố dân cư và kết nối công trình hạ tầng kỹ thuật; đáp ứng nhu cầu táng trước mắt và lâu dài. Vị trí yên tĩnh, không sứt lở; đảm bảo cách ly khu dân cư: ≥ 100 m. Diện tích đất cho mỗi mộ hung táng và chôn cất một lần tối đa không quá 5m². Diện tích sử dụng đất cho mỗi mộ cát táng tối đa không quá 3m². Phải có đường đi, cây xanh, rào ngăn thích hợp. Các tuyến đường chính và nhánh trong nghĩa trang phải có rãnh thoát nước mặt. Các nghĩa trang hiện có cần chỉnh trang đường đi, trồng cây xanh bóng mát, tiến tới có nhà tang lễ. Trong kỳ quy hoạch:

+ Mở rộng nghĩa trang thôn Thủy Tú với diện tích 0,7 ha.

+ Mở rộng nghĩa trang thôn Thành Tín với diện tích 0,6 ha.

+ Mở rộng nghĩa trang thôn Cốc Thuận với diện tích 0,4 ha.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Phân công thực hiện

1. Trách nhiệm của UBND xã Xuân Lộc:

- Tổ chức công bố công khai quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Lộc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm để các cơ quan, tổ chức, đơn vị, nhân dân biết, kiểm tra giám sát và thực hiện; đồng thời, cung cấp thông tin liên quan đến quy hoạch khi có tổ chức, cá nhân có yêu cầu theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành cấp huyện quản lý việc thực hiện Quy định này, quản lý chặt chẽ quỹ đất trên địa bàn.

- Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần được hướng dẫn hoặc cần được bổ sung, điều chỉnh UBND xã Xuân Lộc tổng hợp, báo cáo

về UBND huyện để được hướng dẫn triển khai hoặc xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động xây dựng và tham gia vào hoạt động quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn xã Xuân Lộc phải thực hiện theo Quy định này.

Điều 11. Mọi hành vi vi phạm các điều khoản của Quy định này tùy theo hình thức và mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Các cơ quan quản lý có trách nhiệm căn cứ Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Lộc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030 được phê duyệt và các quy định cụ thể của Quy định này để hướng dẫn thực hiện triển khai các bước tiếp theo.

Điều 13. Quy định này và Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Lộc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030 được ban hành, lưu trữ tại các cơ quan có liên quan và phổ biến để nhân dân được biết, thực hiện./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vũ Đức Kính